

THÔNG TƯ

Hướng dẫn kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hoá nhập khẩu thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá ngày 21 tháng 11 năm 2007;

Căn cứ Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá;

Căn cứ Nghị định số 89/2006/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về nhãn hàng hóa;

Căn cứ Nghị định số 28/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn trình tự, thủ tục, nội dung kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hoá nhập khẩu thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ như sau:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định nội dung, trình tự, thủ tục kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu (sau đây gọi tắt là kiểm tra chất lượng hàng hoá nhập khẩu) thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định tại khoản 4 Điều 69 Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá.

2. Thông tư này áp dụng đối với các cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hoá, các tổ chức, cá nhân nhập khẩu hàng hóa (sau đây gọi chung là người nhập khẩu), các tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc kiểm tra chất lượng hàng hoá nhập khẩu thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ.

Điều 2. Đối tượng kiểm tra

1. Hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam thuộc Danh mục hàng hóa có khả năng gây mất an toàn (dưới đây gọi tắt là Danh mục hàng hóa nhóm 2).

Đối với hàng hoá không thuộc Danh mục hàng hoá nhóm 2, nhập khẩu vào Việt Nam có tiềm ẩn khả năng gây mất an toàn hoặc hàng hoá có khả năng gây mất an toàn theo thông tin cảnh báo từ các tổ chức quốc tế, khu vực, nước ngoài, thì có thể được kiểm tra theo Thông tư này.

2. Thông tư này không áp dụng đối với hàng hóa nhập khẩu là hành lý cá nhân, ngoại giao, hàng mẫu, hàng triển lãm hội chợ, quà biếu; hàng hóa, vật tư thiết bị tạm nhập - tái xuất; hàng quá cảnh chuyển khẩu; hàng gửi kho

ngoại quan; hàng doanh nghiệp Việt Nam gia công cho thương nhân nước ngoài; các vật tư thiết bị máy móc nhập khẩu phục vụ các dự án đầu tư; hàng hóa thuộc lĩnh vực an ninh quốc phòng, bí mật quốc gia, an toàn bức xạ hạt nhân và các loại hàng hóa khác không nhằm mục đích kinh doanh theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Căn cứ kiểm tra

Căn cứ kiểm tra chất lượng hàng hóa là quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn công bố áp dụng đối với hàng hoá, quy định về nhãn hàng hóa và các quy định khác của pháp luật.

Điều 4. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Lô hàng là tập hợp một chủng loại hàng hóa được xác định về số lượng, có cùng tên gọi, công dụng, nhãn hiệu, kiểu loại, đặc tính kỹ thuật, của cùng một cơ sở sản xuất và thuộc cùng một bộ hồ sơ nhập khẩu.
2. Cơ quan kiểm tra là các cơ quan được phân công, phân cấp thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về chất lượng đối với sản phẩm, hàng hoá thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ:
 - a) Cục Quản lý chất lượng hàng hóa thuộc Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng;
 - b) Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có cửa khẩu hoặc có điểm kiểm tra hàng nhập khẩu trên địa bàn quản lý.
3. Chứng chỉ chất lượng bao gồm:
 - a) Giấy chứng nhận hợp quy đối với sản phẩm, hàng hoá phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng trong thời hạn còn hiệu lực, được cấp bởi tổ chức chứng nhận được chỉ định hoặc được thừa nhận;
 - b) Giấy chứng nhận chất lượng, giấy giám định chất lượng của lô hàng phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn công bố áp dụng đối với hàng hóa tương ứng, được cấp bởi tổ chức chứng nhận hoặc tổ chức giám định được chỉ định hoặc được thừa nhận;
 - c) Giấy chứng nhận hệ thống quản lý đối với sản phẩm, hàng hoá có yêu cầu về hệ thống quản lý.

Điều 5. Điều kiện về chất lượng để hàng hóa nhập khẩu được thông quan

1. Hàng hóa nhập khẩu thuộc đối tượng kiểm tra nhà nước về chất lượng chỉ được thông quan khi cơ quan kiểm tra quy định tại khoản 2 Điều 4 của Thông tư này ra Thông báo kết quả kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu đáp ứng yêu cầu chất lượng theo mẫu quy định tại Phụ lục III của Thông tư này.
2. Trường hợp hàng hóa nhập khẩu do cơ quan Hải quan cho phép tạm thời thông quan trước, kiểm tra chất lượng sau thì cơ quan Hải quan chỉ cho tạm thời thông quan sau khi người nhập khẩu hàng hoá đã đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hoá nhập khẩu tại cơ quan kiểm tra theo mẫu quy định tại Phụ lục I của Thông tư này. Sau khi được tạm thời thông quan, người nhập khẩu phải liên hệ với cơ quan kiểm tra để thực hiện việc kiểm tra chất lượng hàng hoá nhập khẩu theo nội dung quy định tại Điều 7, trình tự, thủ tục, xử lý quy định tại Điều 8 của Thông tư này. Cơ quan Hải quan chỉ làm thủ tục chính thức thông quan khi hàng hoá đáp ứng yêu cầu tại khoản 1 Điều này.

Trường hợp hàng hóa nhập khẩu do cơ quan Hải quan cho phép tạm thời thông quan trước, kiểm tra chất lượng sau thì người nhập khẩu không được phép đưa hàng hoá đó ra lưu thông trên thị trường nếu chưa hoàn thành

việc kiểm tra chất lượng hàng hoá nhập khẩu theo quy định tại Thông tư này.

Điều 6. Hồ sơ đăng ký kiểm tra chất lượng

Hồ sơ đăng ký kiểm tra chất lượng của người nhập khẩu gồm:

1. Giấy “Đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu” theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này;
2. Bản photo copy các giấy tờ sau: Hợp đồng (*Contract*), Danh mục hàng hoá kèm theo (*Packing list*);
3. Một hoặc các bản sao chứng chỉ chất lượng (có chứng thực);
4. Các tài liệu khác có liên quan: Bản sao (có xác nhận của người nhập khẩu) vận đơn (*Bill of Lading*); hóa đơn (*Invoice*); tờ khai hàng hóa nhập khẩu; giấy chứng nhận xuất xứ (nếu có) (*C/O-Certificate of Origin*); ảnh hoặc bản mô tả hàng hoá; mẫu nhãn hàng nhập khẩu đã được gắn dấu hợp quy và nhãn phụ (nếu nhãn chính chưa đủ nội dung theo quy định).

Chương II

NỘI DUNG, TRÌNH TỰ, THỦ TỤC KIỂM TRA

Điều 7. Nội dung kiểm tra

Cơ quan kiểm tra tiến hành kiểm tra theo các nội dung sau:

1. Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ đăng ký kiểm tra chất lượng hàng hoá nhập khẩu.
2. Kiểm tra sự phù hợp của nội dung chứng chỉ chất lượng của lô hàng nhập khẩu so với yêu cầu quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn công bố áp dụng và các quy định hiện hành.
3. Kiểm tra mẫu nhãn hàng hóa và dấu hợp quy:
 - a) Kiểm tra các nội dung bắt buộc ghi trên nhãn (và nhãn phụ) bao gồm tên hàng hóa, tên địa chỉ của tổ chức cá nhân chịu trách nhiệm về hàng hóa; xuất xứ của hàng hóa và các nội dung khác quy định cho từng loại hàng hóa; sự phù hợp của mẫu nhãn với bộ hồ sơ nhập khẩu lô hàng;
 - b) Kiểm tra vị trí, màu sắc, kích thước và ngôn ngữ trình bày của nhãn;
 - c) Kiểm tra việc thể hiện dấu hợp quy trên hàng hóa hoặc trên bao bì hàng hóa.
4. Đối với hàng hóa nhập khẩu thuộc Danh mục hàng hoá nhóm 2 mang đặc tính mới có khả năng gây mất an toàn mà chưa được quy định trong quy chuẩn kỹ thuật tương ứng hoặc hàng hóa không thuộc Danh mục hàng hoá nhóm 2, lần đầu tiên xuất hiện tại Việt Nam hoặc theo cảnh báo của các tổ chức quốc tế, khu vực, nước ngoài có khả năng gây mất an toàn thì người nhập khẩu phải đăng ký, đồng thời cung cấp các căn cứ chứng minh hàng hóa đó bảo đảm an toàn cho người, động vật, thực vật, tài sản, môi trường theo quy định và phải được Bộ Khoa học và Công nghệ chấp nhận đăng ký.
5. Trường hợp hàng hoá nhập khẩu lưu thông trên thị trường không bảo đảm chất lượng, cơ quan kiểm tra áp dụng biện pháp tăng cường kiểm tra nhập khẩu đối với loại hàng hoá đó và khi có yêu cầu thì người nhập khẩu loại hàng hoá đó phải thực hiện chứng nhận hoặc giám định sự phù hợp đối với lô hàng nhập khẩu tại tổ chức đánh giá sự phù hợp được chỉ định. Chi phí chứng nhận hoặc giám định do người nhập khẩu chi trả tổ chức đánh giá sự phù hợp.